

CÁC NGÀNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - TỔ HỢP MÔN NĂM 2025

CÁC NGÀNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - TỔ HỢP MÔN NĂM 2025

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh
1	7140217	Sư phạm Ngữ văn	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: C00, D01, D14, D15, C03, C04);
			- Phương thức 3: (THM: C00, D01, D14, D15, C03, C04);
			- Phương thức 4.
2	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: C00, A07, D14, D15, C03, C04);
			- Phương thức 3: (THM: C00, A07, D14, D15, C03, C04);
			- Phương thức 4.
3	7140231	Sư phạm Tiếng Anh: - Sư phạm Tiếng Anh; - Sư phạm Tiếng Anh (Giảng dạy Tiểu học); - Sư phạm Tiếng Anh (Giảng dạy THCS, THPT).	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: D01, D14, D15, D09, D10);
			- Phương thức 3: (THM: D01, D14, D15, D09, D10);
			- Phương thức 4.
4	7140209	Sư phạm Toán học	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: A00, A01, D07, X26, B00, D01);
			- Phương thức 3: (THM: A00, A01, D07, X26, B00, D01);
			- Phương thức 4.
5	7140202	Giáo dục Tiểu học	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: D01, C04, C03, C01, B03, C02);
			- Phương thức 3: (THM: D01, C04, C03, C01, B03, C02);
			- Phương thức 4.
6	7140211	Sư phạm Vật lý	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: A00, A01, A02, C01, X06);
			- Phương thức 3: (THM: A00, A01, A02, C01, X06);
			- Phương thức 4.
7	7340101	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh (Nhà hàng và	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: D01, A01, D09, D10, A10, X10, X06);

		dịch vụ ăn uống) Quản trị kinh doanh (Quản lý bán lẻ) - Quản trị kinh doanh (Marketing)	- Phương thức 3: (THM: D01, A01, D09, D10, A10, X10, X06); - Phương thức 4.
8	7420203	Sinh học ứng dụng (Dược liệu)	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: B00, B08, B02, A02, B02, B04, X13, B03, X14); - Phương thức 3: (THM: B00, B08, B02, A02, B02, B04, X13, B03, X14); - Phương thức 4.
9	7440112	Hoá học (Hóa dược - Sản phẩm thiên nhiên)	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: A00, B00, D07, X11, X10, A06, C02); - Phương thức 3: (THM: A00, B00, D07, X11, X10, A06, C02); - Phương thức 4.
10	7810201	Quản trị khách sạn	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: D01, D10, D09, B08, A01, D07, A00); - Phương thức 3: (THM: D01, D10, D09, B08, A01, D07, A00); - Phương thức 4.
11	7810101	Du lịch: - Du lịch; - Du lịch (Hướng dẫn du lịch)	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: C00, D14, D15, D01, D10, D09, A01, D07); - Phương thức 3: (THM: C00, D14, D15, D01, D10, D09, A01, D07); - Phương thức 4.
12	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị sự kiện).	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: D01, D10, D09, B08, A01, D07, A00); - Phương thức 3: (THM: D01, D10, D09, B08, A01, D07, A00); - Phương thức 4.
13	7310630	Việt Nam học (Văn hóa Du lịch)	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15); - Phương thức 3: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15); - Phương thức 4.
14	7229030	Văn học (Báo chí - Truyền thông)	- Phương thức 1; - Phương thức 2: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15); - Phương thức 3: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15); - Phương thức 4.

15	7229040	Văn hoá học (Văn hóa - Truyền thông)	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15);
			- Phương thức 3: (THM: C00, C19, X70, C20, X74, D01, D14, D15);
			- Phương thức 4.
16	7220201	Ngôn ngữ Anh - Ngôn ngữ Anh - Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch)	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: D01, A01, D14, D15, D09, D10, D07);
			- Phương thức 3: (THM: D01, A01, D14, D15, D09, D10, D07);
			- Phương thức 4.
17	7229020	Ngôn ngữ học (Tiếng Trung Quốc)	- Phương thức 1;
			- Phương thức 2: (THM: D04, D01, D14, D15, D09, D10);
			- Phương thức 3: (THM: D04, D01, D14, D15, D09, D10);
			- Phương thức 4.

**QUY ƯỚC TỔ HỢP
MÔN**

STT	Mã tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	A02	Toán	Vật lý	Sinh học
4	A06	Toán	Hóa học	Địa lý
5	A07	Toán	Lịch sử	Địa lý
6	B00	Toán	Hóa học	Sinh học
7	B02	Toán	Sinh học	Địa lý
8	B03	Toán	Sinh học	Ngữ văn
9	B04	Toán	Sinh học	GDCD
10	B08	Toán	Sinh học	Tiếng Anh
11	C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
12	C01	Ngữ văn	Toán	Vật lý
13	C02	Ngữ văn	Toán	Hóa học
14	C03	Ngữ văn	Toán	Lịch sử
15	C04	Ngữ văn	Toán	Địa lý
16	C19	Ngữ văn	Lịch sử	GDCD
17	C20	Ngữ văn	Địa lý	GDCD
18	D01	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
19	D04	Ngữ văn	Toán	Tiếng Trung
20	D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
21	D09	Toán	Lịch sử	Tiếng Anh
22	D10	Toán	Địa lý	Tiếng Anh
23	D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
24	D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh
25	X06	Toán	Vật lý	Tin học
26	X10	Toán	Hóa học	Tin học
27	X11	Toán	Hóa học	Công nghệ
28	X13	Toán	Sinh học	GDKTPL
29	X14	Toán	Sinh học	Tin học
30	X26	Toán	Tin học	Tiếng Anh
31	X70	Ngữ văn	Lịch sử	GDKTPL
32	X74	Ngữ văn	Địa lý	GDKTPL

*** Xét tuyển, gồm 04 Phương thức sau:**

a. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng.

b. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025.

c. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (điểm tổng kết các môn học cấp THPT).

d. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

MÃ TRƯỜNG
UKH

1. Đối tượng, phạm vi và phương thức tuyển sinh Đại học chính quy

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương và có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

Các đối tượng được quy định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 theo tổ hợp môn thi xét tuyển, trong đó các môn thi trong tổ hợp môn thi xét tuyển đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10.

+ Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ (chỉ áp dụng đối với các chứng chỉ Tiếng Anh).

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (Xét tuyển dựa vào học bạ). Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025.

1.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (dự kiến)

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên:

+ Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;

+ Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025: Căn cứ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

+ Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025: Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với 03 ngành/chuyên ngành gồm Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch) và Sư phạm Tiếng Anh:

+ Phương thức xét tuyển dựa vào học bạ và Phương thức xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2025: Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Tiếng Anh đạt 6.0 trở lên;

+ Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025: điểm bài thi Tiếng Anh đạt 5 trở lên.

1.5. Các ngành/Chuyên ngành đào tạo Đại học chính quy

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN (Dự kiến)
1	Sư phạm Toán học	7140209 ^(*)	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Hóa, Sinh (B00); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07).
2	Sư phạm Vật lý	7140211 ^(*)	Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07).
3	Sư phạm Ngữ văn	7140217 ^(*)	Văn, Sử, Địa (C00); Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
4	Sư phạm Tiếng Anh - Sư phạm Tiếng Anh; - Sư phạm Tiếng Anh (Giảng dạy tiểu học); - Sư phạm Tiếng Anh (Giảng dạy THCS, THPT).	7140231 ^(*)	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
5	Giáo dục Tiểu học	7140202 ^(*)	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Văn, Sử, Địa (C00); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14).
6	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249 ^(*)	Văn, Lịch sử, Địa lý (C00); Văn, Lịch sử, GD&ĐT (C19); Văn, Địa lý, GD&ĐT (C20); Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14).
7	Ngôn ngữ Anh: - Ngôn ngữ Anh; - Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch).	7220201	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
8	Ngôn ngữ học (Tiếng Trung Quốc)	7229020	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Văn, Tiếng Trung (D04); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN (Dự kiến)
9	Việt Nam học (Văn hóa Du lịch)	7310630A	Văn, Sử, Địa (C00); Văn, Sử, GD&ĐT (C19); Văn, Địa, GD&ĐT (C20); Toán, Văn, Tiếng Anh (D01).
10	Văn học (Báo chí - Truyền thông)	7229030	
11	Văn hóa học (Văn hóa - Truyền thông)	7229040	
12	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
13	Quản trị kinh doanh (Quản lý Bán lẻ)	7340101A	
14	Quản trị kinh doanh (Marketing)	7340101B	
15	Quản trị kinh doanh (Nhà hàng và dịch vụ ăn uống)	7340101C	Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị sự kiện).	7810103	
17	Quản trị khách sạn	7810201	
18	Du lịch: - Du lịch; - Du lịch (Hướng dẫn du lịch).	7810101	Văn, Lịch sử, Địa lý (C00); Toán, Văn, Tiếng Anh (D01); Văn, Sử, Tiếng Anh (D14); Văn, Địa, Tiếng Anh (D15).
19	Hóa học (Hóa dược - Sản phẩm thiên nhiên)	7440112	Toán, Lý, Hóa (A00); Toán, Hóa, Sinh (B00); Toán, Lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07).
20	Sinh học ứng dụng (Dược liệu)	7420203A	

^(*) Thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ

2. Đối tượng, phạm vi và phương thức tuyển sinh Cao đẳng chính quy

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

+ Phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Phương thức dựa vào Học bạ THPT: Điểm xét tuyển là điểm trung bình cả năm lớp 12.

+ Phương thức dựa vào điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT: Điểm xét tuyển là điểm trung bình của các môn thi tốt nghiệp THPT theo năm tuyển sinh.

2.4. Các ngành/Chuyên ngành đào tạo Cao đẳng chính quy

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	MÃ NGÀNH
1	Thanh nhạc (Thanh nhạc - Nhạc nhẹ)	6210225
2	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	6210216
3	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	6210217
4	Đồ họa	6210104
5	Hội họa	6210103
6	Diễn viên múa	6210213

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Website: ukh.edu.vn

Fanpage: facebook.com/khanhhoaedu

Hotline tư vấn tuyển sinh: (0258) 3523420 - 0906525454

Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: 01 Nguyễn Chánh - P.Lộc Tho - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

+ Cơ sở 2: 52 Phạm Văn Đồng - P.Vĩnh Hải - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa